TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Rê.
Ông Võ Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T - Sinh năm 1969 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành P - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh L (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/7/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày: bà T và ông Nguyễn Thành P cưới nhau năm 1991, chung sống đến ngày 30/12/2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông P ghen tuông vô cớ và ngược đãi bà T. Về sau ông P không ngược đánh đập nhưng vẫn thường xuyên ghen tuông và ngược đãi tinh thần đối với bà T. Bà T và ông P đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay.

Về hôn nhân: bà T yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: không có tài sản chung, không có nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Theo bản tự khai ngày 29/5/2018, các văn bản tiếp theo, ông Nguyễn Thành P khai phù hợp với lời khai của bà T về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân, không có con chung, không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông P cho rằng năm 2009 ông P phát hiện bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, thời gian gần đây ông cũng nghi ngờ bà T có quan hệ tình cảm với người khác. Ông P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, ông P yêu cầu đoàn tụ.

Sau khi được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông P nộp cho Tòa án bản tự khai ngày 04/7/2018 thể hiện nguyện vọng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, về nợ không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/7/2018, ông P giữ nguyên ý kiến đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thành P. Ông P cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh L thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T: bà T và ông P trình bày không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng không bên nào cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho phần trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên qua quá trình hòa giải tại Tòa án, bà T vẫn tiếp tục yêu cầu ly hôn. Ông P cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: bà T và ông P cho rằng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông P cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản và nợ.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp. Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với ông Nguyễn Thành P về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: bà Võ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thành P.

Về con chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008286 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.